TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: /2019/DS-ST
Ngày: 19/7/2019
"V/v tranh chấp vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Văn Vinh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trương Thoại Lương**

2. Ông **Lâm Quốc Em**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa**: Bà Lưu Thị Thúy Vy**, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà **Kim Thị Cẩm Hường** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2019/TLST-DS, ngày 11 tháng 01 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đòi lại tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2019/QĐXXST- SD ngày 11 tháng 6 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2019/QĐST- ST ngày 02 tháng 7 năm 2019; giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn***: Bà Lâm Thị T (Có mặt)
Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh S.
2. ***Bị đơn***: Bà Nguyễn Thị T (Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh S.
3. **Người làm chứng**: Bà Trần Thị T (Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp Xây Đá A, xã Hồ Đắc Kiện, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 10 năm 2018; biên bản lấy lời khai ngày 29/03/2019; cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Lâm Thị T trình bày:

Vào ngày 13/7/2018, bà T có cho bà NT vay số tiền 38.200.000đ (Ba mươi tám triệu hai trăm ngàn đồng), lãi suất thỏa Tận 5%/ tháng, thời hạn 10 ngày (khi vay bà NT nói mượn đỡ), nên không có làm biên nhận, có bà TT (T) chứng kiến. Sau đó bà NT bán nhà không trả, nên đến ngày 13/7/2018 bà NT mới làm biên nhận, biên nhận trên do bà TN nhờ người bạn của bà NT viết dùm, bà NT ký tên phía dưới, có mặt bà TT là bạn bà NT và bà TT nói một năm bà NT không trả thì bà TT trả cho nên bà T cho bà NT ký vào biên nhận, hiện nay bà NT trả 20.000.000đ, còn lại 18.200.000đ bà NT chưa trả.

Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà NT trả số tiền 18.200.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa, nhưng bà T đều vắng mặt, nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

[2] Về quan hệ pháp luật: Hội đồng xét xử thấy rằng trong quá trình thụ lý vụ án, thì Tòa án xác định là loại kiện tranh chấp đòi lại tài sản, nhưng qua lời khai và tại phiên Tòa lời trình của bà Lâm Thị T thừa nhận số tiền bà kiện đòi bà T trả là xuất phát từ số tiền vay, nên Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ pháp luật "tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

[3] Về nội dung: Xét thấy bà Lâm Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị T trả số tiền vay: 18.200.000đ (Mười tám triệu hai trăm ngàn đồng), không yêu cầu tính lãi.

Bà NT cho rằng ngày 13/7/2018, bà T có vay số tiền 38.200.000đ (Ba mươi tám triêu hai trăm ngàn đồng), lãi suất thỏa Tận 5%/ tháng, thời hạn 10 ngày sẽ trả vốn và lãi, nên hai bên không có làm biên nhận. Sau đó bà NT bán nhà cũng không trả số tiến nêu trên, nên đến ngày 13/7/2018 bà NT mới nhờ người bạn viết dùm biên nhận, bà NT ký tên phía dưới, tại thời điểm đó cũng có mặt bà Thanh là bạn của bà T và bà Thanh nói một năm bà NT không trả thì bà Thanh sẽ trả cho nên bà NT cho bà Thanh cùng ký vào biên nhận, hiện nay bà Thanh đã trả 20.000.000đ, còn lại 18.200.000đ bà NT chưa trả.

[4] Hội đồng xét xử thấy rằng trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý số: 05/TB- TLVA ngày 11/01/2019; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và phiên hòa giải số 102/TB - TA ngày 04/4/2019; thông báo về việc hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và phiên hòa giải số 140 TB - TA ngày 02/5/2019. Với nôi dung bà Lâm Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị T trả số tiền vay còn nợ lại: 18.200.000đ (Mười tám triệu hai trăm ngàn đồng), nhưng bà T vắng mặt nơi cư trú, từ đó Tòa án giải quyết vụ án trên theo thủ tục quy định của pháp luật và bà T cũng không có phản đối, ý kiến gì về số tiền vay còn nợ lại bà T: 18.200.000đ (Mười tám triệu hai trăm ngàn đồng), nên bà Lâm Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà NT trả số tiền 18.200.000đ là có căn cứ.

Từ những nhận định, phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà Lâm Thị T là có căn cứ chấp nhận. Do đó áp dung khoản 1, Điều 280; Điều 463; khoản 1,5 Điều 466; khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Lâm Thị T số tiền 18.200.000đ là có căn cứ.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 910.000đ (Chín trăm mười ngàn đồng), đối với số tiến: 18.200.000đ x 5% = 910.000đ.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị T buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T phải trả cho nguyên đơn bà Lâm Thị T số tiền 18.200.000đ (Mười tám triệu hai trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; b, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 147; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

- Áp dụng khoản 1, Điều 280; Điều 463; khoản 1,5 Điều 466; khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn yêu cầu của bà Lâm Thị T kiện bà Nguyễn Thị T về việc " tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Lâm Thị T số tiền: 18.200.000đ (Mười tám triệu hai trăm ngàn đồng).

Về án phí : Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 910.000đ (Chín trăm mười ngàn đồng).

Bà Lâm Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Lâm Thị T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 455.000 (Bốn trăm năm mươi lăm ngàn đồng), theo biên lai số: 0003836 ngày 17/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Lâm Thị T có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Nguyễn Thị T còn phải trả lãi cho bà Lâm Thị T theo mức lãi suất 10%/ năm, đối với số tiền chậm thi hành án.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *Tòa án tỉnh*
- *VKSND huyện Châu Thành;*
- *Chi cục THADS huyện CT;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Võ Văn Vinh